

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ - ST

Ngày 15 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Sỹ Nghiêm

2. Ông Thiệu Khắc Yên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST - HNGĐ ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị N, sinh năm 1985

ĐKHKT: Thôn K, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- **Bị đơn:** Anh Quách Văn S, sinh năm 1983

ĐKHKT: Thôn V, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2024, bản tự khai ngày 30/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Quách Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói

chung. Anh S không tu chí làm ăn. Cuộc sống không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2009 cho đến nay. Vợ chồng mỗi người ở mỗi nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quách Văn S.

- Về con chung: Chị và anh S không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Quách Văn S:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Quách Văn S. Anh S đã trực tiếp nhận các văn bản nhưng anh S không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

* *Tại Biên bản xác minh ngày 26/6/2024, bà Trần Thị S1 là mẹ đẻ của anh Quách Văn S trình bày:*

Anh Quách Văn S là con trai của bà, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay anh S có mặt tại địa phương. Anh S đã trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án nhưng anh S không đến Tòa án để làm việc. Quan điểm của anh S như sau:

Về hôn nhân: Anh S và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh S và chị N chung sống cùng gia đình bà được 20 ngày sau đó chị N bỏ đi cho đến nay. Nguyên nhân chị N bỏ đi là do chị N nghe nói anh S chơi bời, nghiện ma túy. Nay chị N xin ly hôn thì anh S cũng đồng ý.

Về con chung: Chị N và anh S không có con chung.

Về tài sản chung: Chị N và anh S không có tài sản chung.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ

theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị N và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 25/5/2009, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị N được ly hôn anh S.

+ Về con chung: Chị N và anh S không có con chung.

+ Về tài sản chung: Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Quách Văn S có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Lê Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Chị Lê Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Quách Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị N và anh S là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Quách Văn S dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị N và anh S sống ly thân từ tháng 6 năm 2009 đến nay, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là

xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh S là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh S không có con chung.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị N được ly hôn anh Quách Văn S.

2. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0003025 ngày 20/5/2024. Chấp nhận chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Chị N và anh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã L;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

